

Lê Duẩn - Một trí tuệ lớn

HOÀNG TÙNG

Lê Duẩn là một nhân vật lớn, một trí tuệ lớn của dân tộc và nhân dân ta trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng CNXH. Sau Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông và Trường Chinh là hai người lãnh đạo lâu năm nhất cuộc cách mạng nước ta. Trường Chinh, hai lần là Tổng Bí thư 1940-1956 và 1986; Lê Duẩn 1957-1986, không kể thời gian ở Thường vụ Trung ương (Đại hội I) và Ủy viên Bộ Chính trị (Đại hội II). Sự nghiệp của Trường Chinh gắn liền với cuộc cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp và đổi mới. Trong kháng chiến chống Mỹ, Trường Chinh và Lê Duẩn hợp tác lâu dài với nhau. Sự nghiệp của Lê Duẩn gắn liền với cuộc kháng chiến chống Mỹ từ đầu cho đến kết thúc. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp ông là người lãnh đạo cao nhất của Nam bộ.

Trong hoạt động lãnh đạo của Đảng ta do Hồ Chủ tịch đứng đầu là nêu cao nguyên tắc dân chủ tập thể, không chấp nhận vai trò quyết định của một người, tuy coi trọng tiếng nói của người đứng đầu. Trong hai cuộc kháng chiến, vai trò lãnh

đạo tập thể của Bộ Chính trị bảo đảm được sự đúng đắn và thắng lợi.

Sức mạnh quan trọng nhất của dân tộc ta là sức mạnh tinh thần, trí tuệ, văn hóa. Nhờ có sức mạnh ấy, mà một dân tộc nhỏ trong 2000 năm đã anh dũng chiến đấu chống lại ách đô hộ của các đế chế, đánh thắng các thế lực xâm lược tầm cỡ thời đại. Vào thế kỷ XIII, ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông, thế kỷ XX đã đánh thắng quân xâm lược Pháp và Mỹ. Dũng cảm chiến đấu và sẵn sàng hy sinh, tất cả vì độc lập, tự do là lẽ sống của mỗi người Việt Nam.

Đánh thắng Pháp đã khó, đánh thắng Mỹ là điều bất ngờ lịch sử trước hết đối với nhiều người.

Cuộc kháng chiến chống Pháp mở đầu phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa của mấy nước châu Âu. Các nước này đã suy yếu sau hai cuộc chiến tranh thế giới, không còn khả năng lấy lại những vùng đất hải ngoại. Là nước không bị thiệt hại nhiều, lại được lợi nhiều trong hai cuộc chiến tranh ấy, nước Mỹ tưởng rằng mình có thể lấp chỗ trống do các nước châu Âu rút quân về, thiết lập một

hệ thống thực dân mới. Sự can thiệp của Mỹ vào Đông Dương từ năm 1950 là nhằm mục đích ấy. Ngăn chặn làn sóng cách mạng đang phát triển mạnh từ Bắc Á đến Nam Á, trong khi họ phải giữ Tây Âu trong khu vực ảnh hưởng của mình. Sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam nhằm thực hành thuyết lấp chỗ trống của Tổng thống Truman ở Đông Nam Á, là khu vực mà phong trào dân tộc đang phát triển. Mỹ chống lại giải pháp hòa bình ở Đông Dương năm 1954 là thể hiện chiến lược của họ, cuộc đối đầu ở khu vực này từ những năm năm mươi đến những năm bảy mươi là tất yếu.

Về phía Việt Nam, Hồ Chí Minh kiên trì con đường hòa bình ngay từ năm 1949, thương lượng với Pháp. Tại Giơnevơ, Việt Nam vẫn kiên trì theo đuổi giải pháp hòa bình. Trong những năm từ 1954 đến 1958, đấu tranh đòi tổng tuyển cử. Đáp lại, chính quyền do Mỹ dựng lên ở Sài Gòn trả lời bằng một cuộc chiến tranh đơn phương. Đồng bào miền Nam đồng khởi chống lại Mỹ và chính quyền do Mỹ dựng lên và chỉ huy.

Là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp ở

Nam bộ, Lê Duẩn ở lại vùng địch kiểm soát, chỉ huy cuộc kháng chiến thứ hai. Ông soạn thảo "Đề cương cách mạng miền Nam" gửi ra Bộ Chính trị vào năm 1957. Lúc ấy Trung ương cũng chuẩn bị soạn thảo đường lối giải phóng miền Nam và chỉ định Võ Nguyên Giáp viết đề cương. Cuối năm 1957, Lê Duẩn ra Hà Nội làm quyền Tổng Bí thư, chỉ đạo việc chuẩn bị Hội nghị Trung ương bàn về cách mạng miền Nam và Đại hội III của Đảng. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Hồ Chủ tịch, Bộ Chính trị chuẩn bị phê chuẩn cương lĩnh mới. Làm nhiệm vụ Tổng Bí thư, Lê Duẩn phải làm việc nhiều nơi trong những năm 1958 cho đến 1960 và trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1960 cho đến 1975, cùng đội ngũ các tướng lĩnh góp phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Trí tuệ là sức mạnh to lớn của thắng lợi. Sức mạnh đó là của tập thể, của hiện tại và cả quá khứ. Chúng ta phải giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn mới mẻ và cực kỳ phức tạp của tất cả các mặt của cuộc chiến và cách mạng. Một dân tộc nhỏ đương đầu và chiến thắng một đế quốc khổng lồ là một vấn đề xưa nay chưa có và vấn đề là dám chấp nhận cuộc chiến đấu và biết thắng lợi. Lê Duẩn góp phần

to lớn vào việc xử lý những vấn đề sống còn đó. Biết đánh và biết thắng.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta và Lê Duẩn đã giải quyết thành công nhiều vấn đề mới về lý luận và tổng kết thực tiễn sau đây:

Một là, nắm vững quyền độc lập, tự chủ về đường lối và chính sách. Cách mạng nước nào do chính đảng của nước đó chỉ đạo. Không nhập khẩu và xuất khẩu cách mạng, tuy vẫn phải tham khảo kinh nghiệm của nhau và giúp đỡ lẫn nhau. Qua 30 năm hành động từ 1930-1960, Đảng ta đã thấm thía điều đó. Trong khi Mỹ can thiệp sâu vào nước ta, các nước XHCN chia rẽ, hình thành hai phe đối lập nhưng lại nhất trí trong thực tế không phản đối Mỹ gây chiến, lại ngăn cản ta chiến đấu. Ta phải xác định con đường của mình.

Hai là, hạ quyết tâm đánh thắng bằng sức mạnh của mình, hạn chế chiến tranh ở miền Nam, không tạo cho địch khả năng quốc tế hóa, không làm cuộc chiến tranh kéo dài nhằm chờ thời cơ đánh thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận. Mỹ chủ trương ra chiến lược chiến tranh, thăm dò bằng chiến tranh đặc biệt ở Đông Dương. Ta bắt đầu bằng chiến tranh hạn chế. Nhằm mục đích ấy, Đảng ta xác định hai nhiệm vụ chiến

lược của cuộc cách mạng Việt Nam từ năm 1960. Giải phóng miền Nam là nhiệm vụ trực tiếp của đồng bào miền Nam. Miền Bắc xây dựng CNXH, có nhiệm vụ chi viện miền Nam. Mỹ giương cao ngọn cờ chống cộng. Ta giương cao ngọn cờ cứu nước, giải phóng dân tộc. Ta không phát động cả nước kháng chiến, và khi Mỹ đưa quân viễn chinh vào miền Nam và đánh phá miền Bắc bằng không quân, ta không kêu gọi quân tình nguyện quốc tế. Đảng ta tập hợp Mặt trận thống nhất dân tộc trong nước và Mặt trận quốc tế ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược. Trong mặt trận quốc tế, ta xác định đồng minh chiến lược là các nước XHCN và phong trào cộng sản quốc tế. Ta đặc biệt coi trọng sự đồng tình của nhân dân Mỹ phản đối các thế lực đế quốc hiếu chiến. Đường lối ấy đưa đến thành công lớn.

Ba là, đánh trên nhiều mặt trận: chính trị - quân sự - kinh tế - văn hóa và ở ba vùng chiến lược. Đánh thắng từng bước, không đánh kéo dài và hình thành các phòng tuyến cứng nhắc. Địch có sức mạnh quân sự và kinh tế áp đảo. Ta hơn địch về sức mạnh tinh thần, văn hóa, tức là sức mạnh mềm. Ta phải dùng thế mạnh tinh thần và biết biến nó thành sức mạnh vật chất. Đánh chỗ yếu, tránh chỗ

manh, nhưng lại biết tập trung sức mạnh vật chất bất ngờ đánh vào chỗ mạnh nhất của địch, làm rối loạn chiến lược và lung lay ý chí xâm lược của chúng. Ta không tập trung quân lực vào việc chặn đánh các sư đoàn của Mỹ mà tập trung quân đội đánh vào Sài Gòn, Đà Nẵng và nhiều căn cứ lớn của địch (1968).

Bốn là, ta không phát động cả nước đứng dậy kháng chiến như năm 1946, nhưng đã làm tất cả những nhiệm vụ cần thiết để đánh thắng Mỹ như là :

- Chi viện người và vũ khí.

- Tổ chức chi viện lớn qua đường bộ và đường biển.

- Tổ chức việc đào tạo và chỉ huy thông suốt cả nước .

- Thống nhất tổ chức Đảng và các lực lượng vũ trang, các đoàn thể chính trị. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân một ý chí là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi.

Năm là, xử lý đúng đắn quan hệ thế và lực. Chiến dịch lớn thể hiện quan hệ giữa thế và lực. Chiến dịch năm 1968 và chiến dịch năm 1975 thể hiện việc xử lý đúng đắn mối quan hệ này, biến thế thành lực, biến lực tinh thần thành lực vật chất. Năm 1968, số quân nhân của Mỹ ở miền Nam lên trên 500.000. Lực lượng tinh nhuệ của ta sử dụng trong chiến dịch chỉ bằng

một phần mười, thế mà lật ngược được thế chiến lược của địch. Chúng phải xuống thang chiến tranh vì ý chí xâm lược đột nhiên suy yếu. Dân chúng Mỹ xuống đường đòi chấm dứt chiến tranh. Thế và lực của ta từ sau năm đó phát triển nhảy vọt.

Sáu là, chấp nhận vừa đánh vừa đàm, đánh là chính, đàm là làm lay chuyển quyết tâm chiến tranh của địch. Từ năm 1969-1975, ta đã giành được thế chủ động chiến lược, mở nhiều chiến dịch lớn thắng lợi và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để "... đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Bảy là, nghệ thuật quân sự của ta xuất sắc thể hiện trong cả hai cuộc kháng chiến mà không bị bất ngờ và bị động về chiến lược. Địch không nắm được chiến lược của ta, trái lại, ta kịp thời phát hiện chiến lược của địch trong các chiến dịch Điện Biên Phủ, Mậu Thân. Ta kịp thời chuẩn bị lực lượng đối đầu với hải quân Mỹ ở miền Nam và không quân Mỹ ở miền Bắc. Chiến dịch B52 của Mỹ đánh vào Hà Nội không làm bất ngờ và đảo lộn chiến lược của ta. Ngược lại, ta đã làm tan rã ý chí xâm lược của chúng, buộc chúng phải chấp nhận thất bại quân sự, đơn phương rút quân về nước.

Tám là, đỉnh cao nghệ thuật quân sự của ta thể hiện trong chiến dịch Đông

Xuân năm 1975. Nghi binh, hướng sự chú ý của địch vào Kon Tum, Pleiku để đánh thẳng Buôn Ma Thuột, gây bất ngờ lớn cho địch, cắt đứt tuyến phòng thủ Bắc Nam ở khúc giữa. Toàn bộ phòng tuyến của địch rối loạn. Từ chỗ chuẩn bị kế hoạch đánh trong hai năm, sau thắng lợi ở Tây Nguyên, ta quyết định mở chiến dịch quyết chiến chiến lược ngay trong mùa khô năm đó. Và đã thực hiện đúng bằng một chiến dịch thần tốc.

Chín là, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân chung một ý chí, đáp ứng lời kêu gọi kháng chiến cứu nước, thà hy sinh tất cả chứ quyết không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi.

Hai cuộc kháng chiến của dân tộc ta đều là toàn dân và toàn diện. Đó là sức mạnh vô địch của ta. Từ năm 1970 đến năm 1975, sau khi Hồ Chủ tịch qua đời, Lê Duẩn đứng đầu Ban lãnh đạo Đảng ta, đã giữ vững ý chí ấy, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi vẻ vang. Lê Duẩn là một Anh hùng cứu nước bên cạnh Hồ Chủ tịch và nhiều vị Anh hùng khác. Cống hiến và di sản quý báu của ông tồn tại mãi trong sự nghiệp của dân tộc và của Đảng Cộng sản Việt Nam. ■